

Bản án số: 01/2019/HCPT

Ngày: 25 / 01 /2019

*“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Chính

Ông Tạ Duy Ước

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Phương Thảo** –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà **Nguyễn Thị Châu Loan**
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2018/HCPT ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 5/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/QĐ-HC ngày 02 tháng 1 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Anh D** – sinh năm 1966

Trú tại: Tổ 50b, phường C Tp. H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 6, khu 8, phường H, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Đặng Quốc A**- Luật sư công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Việt D – Luật sư công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Địa chỉ: Số 587 đường Nguyễn Văn C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Văn V** – Phó chủ tịch. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn T** – Trưởng phòng tư pháp huyện C. Có mặt.

3 . *Người kháng cáo*: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2013, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/5/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện Nguyễn Anh D và người đại diện theo ủy quyền có cùng quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 09/3/2009 ông D có lập dự án tái tạo nuôi trồng thủy hải sản kết hợp trồng rừng và tôn tạo làm dịch vụ du lịch sinh thái biển đảo gửi Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C. Sau khi xem xét, UBND huyện C đồng ý cho ông D nuôi trồng thủy hải sản và đồng thời ban hành quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 về việc cho thuê đất bãi triều có mặt nước để thực hiện dự án tái tạo nuôi trồng thủy sản, UBND đã quyết định cho ông D thuê 14,7 ha đất bãi triều có mặt nước tại phía Nam vùng Ông Viên thuộc khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh để sử dụng vào mục đích tái tạo nuôi trồng thủy hải sản. Thời gian thuê đất là 10 năm kể từ ngày ký quyết định. Ngày 22/6/2009 ông D đã ký hợp đồng thuê đất với UBND huyện C và được phòng Tài nguyên Môi trường huyện C tiến hành giao đất trên thực địa. Ngay sau khi nhận được đất ông D đã triển khai ngay dự án như thuê lao động, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, thả con giống.

Ngày 21/8/2009 UBND huyện C ban hành Thông báo số 56/TB-UBND “*về việc tạm dừng các hoạt động triển khai dự án nuôi trồng thủy sản tại vùng phía sau thôn Cầu Mỹ (vùng Ông Viên) khu 4, thị trấn C*”. Thông báo này không ghi thời hạn tạm dừng triển khai dự án, không yêu cầu ông D tiến hành khắc phục những thiếu sót của dự án hoặc nêu ra những vi phạm của ông D. Tuy nhiên ông D vẫn thực hiện thông báo trên dừng mọi hoạt động triển khai dự án, kể cả công việc bảo vệ số con giống đã thả vì không muốn xảy ra va chạm với người dân.

Sau nhiều lần kiến nghị không được UBND huyện C giải quyết dứt điểm, đến ngày 30/8/2013 trong buổi làm việc với UBND huyện C thì được UBND huyện C thông báo là UBND huyện C đã ban hành quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 về việc thu hồi quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND huyện. Ông D cho rằng việc UBND huyện C ban hành quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 là không đúng quy định của pháp luật. Ông D sử dụng đất đúng qui định của pháp luật, đúng hợp đồng thuê đất không vi phạm gì, chưa hết thời hạn thuê đất. Việc UBND huyện C quyết định không cho ông thuê đất nữa đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Vì vậy ông D đề nghị Tòa án xem xét hủy Thông báo số 56/TB-UBND ngày 21/8/2009 và quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của UBND huyện C và yêu cầu UBND huyện C phải bồi thường toàn bộ những thiệt hại về vật chất ông D đã đầu tư với số tiền 3.818.215.000 đồng đã đầu tư từ tháng 6/2009 đến nay và tiền lãi theo mức lãi suất do Nhà nước qui định tương ứng với số tiền đầu tư hàng năm theo qui định của pháp luật. Cụ thể:

Tiền chi trả nhân công làm việc 2.223.000.000 đồng; tiền đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như nhà chòi, giếng, hệ thống phao tiêu, biển báo là 188.000.000 đồng; tiền mua sắm thiết bị như xồng máy, máy phát điện vv...là 377.251.000 đồng; chi mua con giống lần 1 và lần 2 là 892.000.000 đồng; tiền công đi lại là 138.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, đến nay ông D chỉ còn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của UBND huyện C và yêu cầu UBND huyện C phải bồi thường toàn bộ những thiệt hại về vật chất ông D đã đầu tư với số tiền 3.818.215.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có quan điểm: Đầu năm 2009 ông Nguyễn Anh D có nộp hồ sơ xin đầu tư dự án nuôi trồng thủy hải sản tại vùng Ông Viên thuộc khu 4, thị trấn C, huyện C, sau khi nhận được hồ xin phép đầu tư của ông D, UBND huyện đã kiểm tra hiện trạng khu vực xin thuê để thực hiện dự án. Tại biên bản kiểm tra hiện trạng khu vực xin thuê do phòng Tài nguyên - Môi trường và Nông nghiệp huyện kết hợp với UBND thị trấn C lập ngày 12/5/2009 đã xem xét thấy diện tích đất ông D xin thuê phù hợp với qui hoạch và UBND huyện C đã đồng ý cho ông Nguyễn Anh D thuê đất có mặt nước để thực hiện dự án. Ngày 17/6/2009 UBND huyện C ban hành quyết định số 247/QĐ-UBND cho ông D thuê 14,7 ha đất bãi triều có mặt nước tại vùng Ông Viên để sử dụng vào mục đích tái tạo nuôi trồng thủy hải sản, thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày ký quyết định. Sau khi quyết định cho ông D thuê đất, phòng Tài nguyên - Môi trường và Nông nghiệp huyện C đã tiến hành ký hợp đồng và bàn giao đất cho ông D theo qui định của pháp luật về đất đai. Khi ông D triển khai thực hiện dự án nhiều hộ dân ở khu 4, thị trấn C đã có đơn kiến nghị về việc UBND huyện C cho ông D thuê đất đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống và kế sinh nhai của người dân. Ngày 21/8/2009 UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 56/TB-UBND yêu cầu ông D tạm dừng các hoạt động triển khai dự án nuôi trồng thủy sản để đảm bảo trật tự và tránh những tổn hại không cần thiết. Thông báo này đã được giao, gửi cho ông D, UBND thị trấn C để thực hiện và gửi cho trưởng khu 4, thị trấn C để biết. Ngày 27/02/2010 Chủ tịch UBND huyện C (do Phó chủ tịch ký thay) đã căn cứ vào Điều 27 Luật Thủy sản ký ban hành quyết định số 49/QĐ-CT về việc thu hồi quyết định số 247 (Quyết định cho ông D thuê đất) với lý do UBND huyện C không có thẩm quyền giao mặt nước biển. Tuy nhiên quyết định này không được giao cho ông D, đến ngày 30/8/2013 trong khi làm việc với ông D, UBND huyện C mới thông báo cho ông D biết. Sau khi nhận được thông báo tạm dừng triển khai dự án ông D có đề nghị UBND huyện C xem xét cho chuyển đổi vị trí dự án nuôi trồng thủy sản, nhưng không có vị trí nào phù hợp với dự án của ông D, nên UBND huyện C không đồng ý cho ông D chuyển đổi vị trí dự án.

Về vấn đề ông D yêu cầu UBND huyện C bồi thường thiệt hại, đề nghị Tòa án xem xét theo qui định của pháp luật và có xem xét đến việc tính khấu hao tài sản. Riêng đối với số con giống đã thả, UBND huyện C không đồng ý bồi thường vì sau khi tạm dừng thực hiện dự án ông D vẫn là người quản lý tài sản, có quyền trông coi chăm sóc và thu hoạch số thủy hải sản đã thả nuôi. Khi thả nuôi số thủy sản này ông D không báo cho UBND huyện, mà chỉ đến ngày 02/12/2009 khi UBND huyện đến kiểm tra thì ông D mới thông báo đã thả nuôi.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng không thành.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 5/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C. Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/6/2018 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm theo Điều 240 Luật tổ tụng hành chính và đề nghị hủy án để xét xử lại theo thủ tục chung do bản án sơ thẩm đã vi phạm tổ tụng nghiêm trọng. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm số 01/HC- ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện nằm trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1] Đối với yêu cầu hủy quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C:

Ngày 17/6/2009 UBND huyện C ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND về việc cho ông Nguyễn Anh D thuê đất bãi triều có mặt nước để thực hiện dự án tái tạo nuôi trồng thủy sản, diện tích được thuê là 14,7 ha đất bãi triều có mặt nước tại phía Nam Vụng ông Viên thuộc khu 4, thị trấn C, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 22/6/2009, UBND huyện C đã ký hợp đồng thuê đất số 02 với ông Nguyễn Anh D với thời hạn thuê đất là 10 năm và ông D đã được phòng TNMT huyện C giao đất trên thực địa.

Sau khi nhận được đất ông D đã triển khai thực hiện dự án thì một số hộ dân địa phương kiến nghị. Ngày 21/8/2009, UBND huyện C ban hành thông báo số 56 về việc tạm dừng các hoạt động triển khai dự án nuôi trồng thủy sản của ông D. Tại thông báo số 56/TB-UBND không thể hiện rõ thời hạn tạm dừng dự án của ông D. Nhận được thông báo số 56 ông D đã kiến nghị và UBND huyện C đã tiến hành làm việc với ông D nhiều lần để bàn bạc về việc chuyển đổi địa điểm cho ông D đầu tư nhưng không thành. Ngày 27/02/2010 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 49/QĐ-CT về việc thu hồi Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của

UBND huyện C nhưng đến ngày 30/8/2013 Quyết định số 49 nêu trên mới được UBND huyện C giao cho ông D.

Xét Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 Chủ tịch UBND huyện C, Hội đồng xét xử thấy: Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 do Chủ tịch UBND huyện C ban hành để thu hồi Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND huyện C. Theo quy định tại điều 37 Luật đất đai năm 2003 thì UBND cấp huyện có thẩm quyền cho cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất vì vậy nếu trong trường hợp UBND huyện C không cho ông D thuê đất thì phải tự mình ban hành văn bản hủy bỏ Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND huyện C, nhưng Chủ tịch UBND huyện C lại ban hành 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 thu hồi Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND huyện C là trái thẩm quyền.

Về nội dung: Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND huyện C là quyết định cho ông Nguyễn Anh D thuê đất bãi triều có mặt nước để thực hiện dự án tái tạo nuôi trồng thủy sản. Điều này thể hiện tại các tài liệu như: Hợp đồng thuê đất; biên bản bàn giao đất; biên bản kiểm tra hiện trạng khu vực xin thuê đất lập ngày 12/5/2009 (BL11) thể hiện: nguồn gốc thửa đất là đất bãi triều có mặt nước; vị trí địa danh thửa đất: phía Nam Vụng ông Viên, khu 4, thị trấn C, Bắc giáp đồi rừng, Nam giáp biển, Tây giáp đồi núi, Đông tiếp giáp và cách đất quốc phòng 100m. Theo định nghĩa tại điều 2 Luật thủy sản thì:

“.....

6. *Đất để nuôi trồng thủy sản* là đất có mặt nước nội địa, bao gồm ao, hồ, đầm, phá, sông, ngòi, kênh, rạch; đất có mặt nước ven biển; đất bãi bồi ven sông, ven biển; bãi cát, cồn cát ven biển; đất sử dụng cho kinh tế trang trại; đất phi nông nghiệp có mặt nước được giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản.

7. *Mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản* là vùng nước biển được quy hoạch để nuôi trồng thủy sản.

.....”.

Như vậy diện tích đất mà UBND huyện C cho ông Nguyễn Anh D thuê là “đất bãi triều có mặt nước” không phải là “mặt nước biển” và UBND huyện C có thẩm quyền cho ông D thuê theo quy định của pháp luật.

Việc Chủ tịch UBND huyện C cho rằng UBND huyện C không có thẩm quyền thuê mặt nước biển và ban hành Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 thu hồi Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của UBND huyện C là không có căn cứ pháp luật.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ngày 30/6/2016 UBND huyện C ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C.

Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Ông D đã biết việc ngày 30/6/2016 UBND huyện C ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 và tại phiên tòa sơ thẩm một lần nữa người đại diện theo ủy quyền của ông D khẳng định đã biết về Quyết định số 320/QĐ-UBND nhưng do Quyết định số 49/QĐ-CT gây thiệt hại cho ông D nên ông D có quan điểm tiếp tục yêu cầu khởi kiện. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm vẫn phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 49/QĐ-CT và cả Quyết định số 320/QĐ-UBND nhưng

Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định: Ngày 30/6/2016 UBND huyện C ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C. Quyết định số 320/QĐ-UBND đã được giao cho ông D. Như vậy, Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 không còn tồn tại, do đó cần bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C ban hành là trái thẩm quyền, không đúng về nội dung nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D về việc tuyên hủy Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C.

Đồng thời căn cứ quy định tại khoản 1 điều 6 Luật tổ tụng hành chính thì trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan. Trong vụ án này, thông báo số 56/TB-UBND ngày 21/8/2009 của UBND huyện C là quyết định hành chính có liên quan đến toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Anh D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét là thiếu sót. Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND huyện C ban hành để bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C cũng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại:

UBND huyện C chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của ông Nguyễn Anh D và ngày 17/6/2009 UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND cho ông D thuê 14,7ha đất bãi triều có mặt nước tại phía Nam Vụng ông Viên thuộc khu 4, thị trấn C, tỉnh Quảng Ninh để thực hiện dự án. Thời hạn ông Nguyễn Anh D thuê là 10 năm. Ông D đã được nhận bàn giao đất tại thực địa và đã tiến hành một số hoạt động để thực hiện dự án.

Tuy nhiên đến ngày 21/8/2009, UBND huyện C ban hành Thông báo số 56/TB-UBND yêu cầu ông D tạm dừng các hoạt động triển khai dự án với lý do là “Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban thường vụ huyện ủy C tại thông báo số 142-TB/HU ngày 6/8/2009 về việc giao cho thường trực UBND huyện làm các thủ tục thôi cấp mặt nước nuôi trồng thủy sản đối với hộ ông Nguyễn Anh D”. Thông báo số 56 không quy định thời hạn ông D phải tạm dừng dự án của ông D. Trong các căn cứ đưa ra để ban hành Thông báo số 56/TB-UBND UBND huyện C cũng không chỉ ra được ông có lỗi trong việc chậm triển khai thực hiện dự án hoặc thay đổi mục tiêu của dự án; dự án của ông D cũng không thuộc trường hợp bị hoãn, bị tạm dừng. Mặt khác, sau khi ký hợp đồng thuê đất và được bàn giao đất bãi triều có mặt nước ngày 22/6/2008 thì ông D đã thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp lệ phí sử dụng đất và triển khai các hoạt động dự án.

Thông báo số 56/TB-UBND yêu cầu ông D tạm dừng các hoạt động triển khai dự án không có thời hạn là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D.

Mặt khác, như đã viện dẫn phân tích tại phần [1] đối với Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C là trái quy định. Như vậy, Thông báo số 56/TB-UBND và Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Chủ tịch UBND huyện C đã đều trực tiếp gây thiệt hại cho ông Nguyễn Anh D và thiệt hại của

ông D là có trên thực tế nên xét thấy cần thiết phải giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại trong cùng vụ án này để đảm bảo giải quyết triệt để yêu cầu của người khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, tại thời điểm xét xử, UBND huyện C chưa có quyết định thu hồi 14,7ha đất bãi triều có mặt nước cho ông D thuê mặc dù việc triển khai dự án đã tạm dừng không thời hạn theo thông báo số 56. Việc tạm dừng không thời hạn việc thực hiện dự án có thể đã gây thiệt hại ít nhiều cho ông D – chủ đầu tư nhưng chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện mà yêu cầu này được tách ra giải quyết bằng vụ án khác nếu ông D có yêu cầu, sau khi UBND huyện C hoàn thành các trình tự thủ tục thu hồi đất cho thuê và xác định được giá trị còn lại của giá trị đầu tư vào đất và tài sản gắn liền với đất của chủ đầu tư. Tại phần Quyết định của bản án tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 27/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C; tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Xét thấy phần nhận định và phần quyết định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là mâu thuẫn với nhau bởi yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính là thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Anh D là không phù hợp với các quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên đây Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy những vi phạm về tố tụng của bản án sơ thẩm là nghiêm trọng cần phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được trả lại cho ông Nguyễn Anh D.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 205 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 5/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ hồ sơ vụ án để xét xử lại theo thủ tục chung.

Trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Anh D theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002271 ngày 12/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Quảng Ninh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh QN
- Các đương sự
- THA, VP
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Vũ Công Mười

Trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Anh Dũng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002271 ngày 12/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND huyện Cô Tô;
- VKSND huyện Cô Tô;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Cô Tô;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười